

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2022/KDTM_PT**

Ngày: 15 - 3 - 2022

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Hương Giang

Các Thẩm phán: bà Đỗ Thị Duyên

ông Bùi Đức Tuấn

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hoa Lê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bà Hà Thị Minh Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 05/2021/TLPT-KDTM ngày 30/7/2021 .

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 104/2021/QĐ-PT ngày 28/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐ-PT ngày 26/01/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 14/02/2022 , giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV QLTS CTCTD (VAMC)

Trụ sở: H.V, H.K, Hà Nội

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP VNTV (VPBank)**

Trụ sở: L.H, phường L.H, quận Đ.Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Vương Văn T** - Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ VPBank, ông **Bùi Huy Đ** - chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ VPBank, ông **Nguyễn Huy P** - chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ VPBank (ông T và ông P có mặt).

2. Bị đơn: ông **Nguyễn An B** - Sinh năm 1959 và bà **Trần Thị K** - sinh

năm 1962. Cùng địa chỉ: tổ 5, khu 2, phường Đ.T, thị xã Đ.T, Quảng Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn: ông **Nguyễn Minh L** và ông **Nguyễn Đức N** - Luật sư Công ty Luật TNHH DRAGON; địa chỉ: phòng 6, tầng 14, tòa Vimeco, lô E9, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội (ông L có mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :*

+ Ông **Nguyễn Cao T** - sinh năm 1967; bà **Đỗ Thị N** - sinh năm 1973; chị **Nguyễn Thu N** - sinh năm 1991. Cùng địa chỉ: tổ 6, khu 2, phường Đ.T, thị xã Đ.T, Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N và chị N: ông Nguyễn Cao T. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị Phương D** - sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 10, khu 4, phường T.H.Đ, thành phố H.L, Quảng Ninh. Vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị N** - sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ 2, khu 3, phường T.H.Đ, thành phố H.L, Quảng Ninh. Vắng mặt.

+ Chị **Đoàn Mai T** - sinh năm 1982. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam H.T, thành phố C.L, Hải Dương. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN .

Ngày 01/07/2013 ông Nguyễn An B, bà Trần Thị K ký kết Hợp đồng tín dụng số N13.2577.35 với ngân hàng TMCP VNTV để vay số tiền là 01 tỷ đồng. Mục đích là bổ sung vốn lưu động kinh doanh phụ tùng ô tô, xe máy, hàng điện lạnh; Lãi suất cho vay, các kỳ hạn trả nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng khác được ký kết giữa hai bên. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại giáp đường 18A, khu II, thị trấn Đ.T, huyện (nay là thị xã) Đ.T, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V522586, số vào sổ cấp GCN: 392QSĐĐ/TTĐT do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Đ.T, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20/10/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Cao T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N13.2581.114/HĐTC ngày 01/7/2013. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông B bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân

hàng TMCP VNTV kể từ ngày 20/11/2013 nên toàn bộ khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn và lãi suất quá hạn theo quy định. Ngày 24/11/2014 Ngân hàng TMCP VNTV đã bán toàn bộ khoản nợ của ông bà B, K cho VAMC. Ngày 21/02/2018, VAMC khởi kiện yêu cầu ông B bà K phải thanh toán số nợ cho VAMC. Ngày 24/6/2019 VAMC bán lại toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP VNTV. Ngày 16/9/2019 Ngân hàng TMCP VNTV có văn bản chấp nhận việc chuyển giao toàn bộ quyền nghĩa vụ của VAMC và yêu cầu ông B, bà K phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, truy thu ưu đãi lãi suất và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 05/05/2021 là 2.349.286.667 đ (hai tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng); Nợ lãi trong hạn là: 11.603.333 đ (mười một triệu, sáu trăm linh ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng); Nợ lãi quá hạn là: 1.337.683.334 đ (một tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng). Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông B bà K thanh toán hết khoản nợ trên. Trong trường hợp ông B bà K không trả được toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP VNTV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K xác nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp như trình bày của đại diện nguyên đơn là đúng. Sau khi ký kết hợp đồng, ông bà được Ngân hàng hướng dẫn ra về khi nào xong thủ tục sẽ đến ký lấy tiền và lấy giấy tờ. Do quá lâu mà không thấy cán bộ ngân hàng báo đến nhận tiền nên ngày 31/10/2013, ông đã đến ngân hàng TMCP VNTV chi nhánh Quảng Ninh hỏi thủ tục đã xong chưa để rút tiền thì được phía Ngân hàng thông báo là ông Nguyễn An B đã ủy nhiệm chi cho chị Nguyễn Thị Phương D vào ngày 03/7/2013 để thanh toán tiền hàng. Ngay sau đó ông bà đã làm đơn tố cáo đến cơ quan Công an. Ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông bà không kí Khế ước nhận nợ, đề nghị giải ngân và ủy nhiệm chi ngày 03/7/2013, không quen biết chị D, thời điểm đó ông B đang ở nhà bán hàng, chị Lại Thị Hương G cũng đã có lời khai thể hiện viết phiếu Ủy nhiệm chi theo nội dung của tờ trình giải ngân. Ông B bà K đề nghị Tòa án căn cứ Điều 127, Điều 131, Điều 407, Điều 597 Bộ luật dân sự 2015 bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông bà; Tuyên bố giao dịch

chuyển tiền tại giấy Ủy nhiệm chi đề ngày 03/07/2013 là vô hiệu do giả mạo; Tuyên bố hợp đồng tín dụng số N13.2577.35/HĐTD ngày 01/07/2013 vô hiệu do bị lừa dối; Đề nghị Ngân hàng TMCP VNTV trả lại tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Cao T và bà Trần Thị N; Yêu cầu phía Ngân hàng TMCP VNTV xóa tên ông Nguyễn An B khỏi danh sách nợ xấu của ngân hàng; Đề nghị ngân hàng TMCP VNTV thực hiện việc khởi kiện đối với bà Đoàn Mai T và bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Phương D để thu hồi số tiền 01 tỷ đồng đã chuyển sai mục đích, đối tượng; Ngoài ra, thời hiệu khởi kiện vụ án không còn vì ngày 24/11/2014 Ngân hàng TMCP VNTV đã bán nợ cho VAMC theo hợp đồng bán nợ số: 5678/MBN.VAMC2–VPBank nhưng cho đến tận 22/01/2018 thì VAMC mới nộp đơn ra Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều để yêu cầu giải quyết. Đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết phần lãi suất trong hạn và quá hạn đối với hợp đồng nêu trên; Đề nghị Tòa án xem xét chuyển hồ sơ vụ án trên cho cơ quan Điều tra làm rõ hành vi lừa đảo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có quan điểm: Đối với hợp đồng số: 18/2013/HĐMB, ngày 15/5/2013 giữa ông Nguyễn An B và bà Nguyễn Thị Phương D ký kết về mua bán hàng hóa là giả mạo; Giả mạo thời điểm ký các giấy tờ gồm Khế ước nhận nợ, đề nghị giải ngân và Ủy nhiệm chi; Nội dung tờ trình giải ngân hay nội dung Ủy nhiệm chi ông B không được biết về nội dung do bà Lại Thị Hương G viết vào ngày 03/7/2013; Về quy trình thu hồi nợ của Ngân hàng trước hạn số: 265/TB – VPVQN ngày 21/11/2013 là không bình thường. Do đó người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết như các đề nghị của ông B và bà K.

Ông Nguyễn Cao T đại diện cho bà Trần Thị N và chị Nguyễn Thu N trình bày: Gia đình ông có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số: N13.2581.114/HĐTC ngày 01/7/2013 với Ngân hàng để đảm bảo khoản vay cho ông Biên, bà Khê tại Ngân hàng TMCP VNTV, thời hạn vay là 01 năm. Do một số cán bộ Ngân hàng yếu kém về nghiệp vụ dẫn tới tạo kẽ hở cho cán bộ Ngân hàng có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền của khách hàng; gia đình ông đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng phải xóa thế chấp, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/KDTM_ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu

cầu khởi kiện thanh toán tiền theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ của Công ty TNHH MTV QLTS CTCTD (VAMC), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Ngân hàng TMCP VNTV.

Xác nhận tính đến ngày 05/5/2021 vợ chồng ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K còn nợ của Công ty TNHH MTV QLTS CTCTD (VAMC), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Ngân hàng TMCP VNTV, với tổng số tiền 2.349.286.667 đ (hai tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 1.000.000.000đ (một tỷ đồng); Nợ lãi trong hạn là: 11.603.333 đ (mười một triệu, sáu trăm linh ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng); Nợ lãi quá hạn là 1.337.683.334 đ (một tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng).

Buộc vợ chồng ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K phải trả cho Công ty TNHH MTV QLTS CTCTD, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Ngân hàng TMCP VNTV với tổng số tiền là 2.349.286.667 đ (hai tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 1.000.000.000đ (một tỷ đồng); Nợ lãi trong hạn là: 11.603.333đ (mười một triệu, sáu trăm linh ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng); Nợ lãi quá hạn là: 1.337.683.334 đ (một tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 06/5/2021 vợ chồng ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: N13.2577.35HĐTD, ngày 01/7/2013 và Khế ước nhận nợ kèm theo cho đến ngày ông B và bà K thực tế thanh toán hết các khoản nợ cho Công ty TNHH MTV QLTS CTCTD, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Ngân hàng TMCP VNTV.

Trong trường hợp vợ chồng ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K không trả hoặc trả không đủ số tiền trên, Công ty TNHH MTV QLTS CTCTD, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Ngân TMCP VNTV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản sau để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 392/QSĐĐ/TTĐT do Ủy ban nhân dân huyện (nay thị xã) Đ.T cấp ngày 20/10/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Cao T, diện tích đất 72,4m² tại khu 2, thị trấn (nay phường) Đ.T, huyện (nay thị xã) Đ.T, tỉnh Quảng Ninh để thanh toán

cho khoản vay của ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/5/2021, ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều.

Tại quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 18/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều kháng nghị về phần tuyên nghĩa vụ trả tiền và trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH MTV QLTS CTCTD và Ngân hàng TMCP VNTV là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị và có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Về thời hiệu khởi kiện: ngày 01/7/2013 Ngân hàng TMCP VNTV và ông bà B, K ký kết Hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP VNTV cho rằng ông bà B, K đã vi phạm nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng nên Ngân hàng đã khởi kiện ông bà B, K ra Tòa án Đ.T. Ngày 19/5/2015 Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều thụ lý vụ án, như vậy thời hiệu khởi kiện vụ án đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 427 BLDS năm 2005. Tuy nhiên, quá trình tố tụng tại Tòa án phát hiện ngày 24/11/2014 Ngân hàng TMCP VNTV đã bán toàn bộ khoản nợ của ông bà B, K cho VAMC nên tại Bản án phúc thẩm số 06/2017/KDTM-PT ngày 04/12/2017 đã hủy bản án sơ thẩm vì lý do Ngân hàng TMCP VNTV không có quyền khởi kiện. Ngày 07/02/2018, VAMC khởi kiện lại yêu cầu ông B bà K phải thanh toán số nợ cho VAMC và ngày 21/02/2018 Tòa án thụ lý vụ án. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, ông bà B, K thừa nhận ký kết Hợp đồng tín dụng số N13.2577.35/HĐTD ngày 01/7/2013, như vậy, ông bà đã thừa nhận các quyền và nghĩa vụ của mình theo

hợp đồng tín dụng nên thời hiệu khởi kiện vụ án được đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 của Bộ luật dân sự 2015. Bác kháng cáo của Bị đơn đối với nội dung này.

[2] Xem xét các nội dung kháng cáo khác của Bị đơn thấy:

Ngày 01/7/2013, Ngân hàng TMCP VNTV và ông Nguyễn An B, bà Trần Thị K ký hợp đồng hạn mức tín dụng số N13.2577.35/HĐTD để vay số tiền là 01 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh phụ tùng ô tô, xe máy, hàng điện lạnh. Cùng ngày, ngân hàng TMCP VNTV, ông bà B, K và ông Nguyễn Cao T, bà Trần Thị N, chị Nguyễn Thu N kí Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N13.2581.114/HĐTC để đảm bảo cho khoản vay trên. Nhận thấy, các Hợp đồng trên được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật.

Ông B cho rằng không kí Ủy nhiệm chi và ông bà chưa được nhận số tiền 01 tỷ đồng nên ông bà không có nghĩa vụ trả số tiền này. Tuy nhiên, tại Thông báo kết quả điều tra số 1528/TB-PC45 ngày 15/9/2014 của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Quảng Ninh trả lời ông Nguyễn An B khi ông có đơn trình báo về việc sau khi vợ chồng ông kí hợp đồng tín dụng số N13.2577.35/HĐTD ngày 91/7/2013 với Ngân hàng TMCP VNTV, ngân hàng đã không giải ngân cho ông mà chuyển tiền vào một tài khoản của người khác ông không biết, ông không kí, không viết ủy nhiệm chi số tiền 01 tỷ đồng cho chị Nguyễn Thị Phương D, thể hiện: *“Chữ ký Nguyễn An B trong Ủy nhiệm chi ngày 03/7/2013 với nội dung ông Nguyễn An B (Số tài khoản: 51454154) chuyển tiền vào tài khoản cho chị Nguyễn Thị Phương D (Số tài khoản: 51461387) số tiền 01 tỷ đồng là chữ ký của ông”*. Trong quá trình giải quyết vụ án ông bà B, K cũng có đề nghị yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký trong Giấy ủy nhiệm chi. Theo kết luận giám định số 18/C54 – P5, ngày 21/3/2016 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát kết luận các chữ “Nguyễn An B” dưới mục “Chủ tài khoản” trên tài liệu ký hiệu A1 so với chữ viết của ông Nguyễn An B trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 do cùng một người viết ra. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định, ông B đã kí Ủy nhiệm chi. Ngoài ra ông bà không chứng minh được việc mình ký đề nghị giải ngân và Khế ước nhận nợ là bị ép buộc hoặc lừa dối nên khẳng định ông bà B, K đã ký Ủy nhiệm chi, đề nghị giải ngân và Khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân số tiền vay 01 tỷ đồng vào tài khoản

của ông bà B, K, sau đó số tiền này được chuyển đến tài khoản của chị D theo ủy nhiệm chi của ông bà.

Sau khi giải ngân, Ngân hàng đã thông báo qua hệ thống viễn thông tin nhắn đến số thuê bao 0912.832.195 của ông B về thông báo nợ lãi hàng tháng tiếp theo. Ngoài ra, vào các ngày 04/7/2013 và ngày 26/10/2013 Ngân hàng đã thành lập đoàn kiểm tra và lập phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay tại cửa hàng L.B theo hợp đồng tín dụng số: N13.2577.35HĐTD, ngày 01/7/2013 và Ủy nhiệm chi ngày 03/7/2013, ông B không có ý kiến gì, đồng ý và ký vào phần đại diện khách hàng. Các ngày 20/7/2013; 20/8/2013, 20/9/2013 và ngày 21/10/2013 ông bà B, K đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng với tổng số tiền lãi đã nộp là 32.630.000đ (ba mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng) (chị N, chị D nộp thay). Như vậy, ông bà B, K đã tự nguyện ký kết các hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, ủy nhiệm chi, đề nghị giải ngân và Khế Ước nhận nợ.

Đối với Hợp đồng mua bán số 18/2013 ngày 15/5/2013 thấy, hợp đồng này không có thật vì không có việc mua bán giữa ông B và chị D, Ngân hàng TMCP VNTV đã có lỗi trong việc thẩm định hồ sơ vay vốn. Tuy nhiên, việc làm giả hợp đồng mua bán nhằm mục đích hoàn thiện hồ sơ để ông bà B, K có thể vay vốn không ảnh hưởng đến quyền lợi ích của ông bà B, K trong Hợp đồng tín dụng cũng như quá trình thực hiện hợp đồng nên không chấp nhận yêu cầu của bị đơn cho rằng hợp đồng mua bán bị giả mạo nên hợp đồng tín dụng cũng bị vô hiệu.

Ngoài ra, ông bà B, K còn cho rằng có nhiều sai sót trong quá trình cấp tín dụng cho vợ chồng ông thể hiện trong lời khai của chị Đoàn Mai T, chị Lại Thị Hương G. Tuy nhiên những lời khai này đều thể hiện có việc ông bà B, K vay vốn và Ngân hàng đã làm các thủ tục để giải ngân theo ủy nhiệm chi của ông B. Ông B còn cho rằng vào ngày 03/7/2013 ông không xuống H.L để ký Khế ước nhận nợ, Ủy nhiệm chi và Giấy đề nghị giải ngân, tuy nhiên những người làm chứng mà ông đưa ra như ông Nguyễn Quang H, ông Trần Văn M và ông Phạm Văn Q đều có lời khai thể hiện không nhớ chính xác thời gian và ngày mua xe máy tại cửa hàng L.B.

Kể từ ngày 21/11/2013 ông bà B, K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Điều 2, Điều 5 của Hợp đồng hạn mức tín dụng, khoản 3, 4 của Khế ước nhận nợ được ký kết giữa hai bên vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của

bị đơn.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát thấy:

3.1 Đối với kháng nghị về phần tuyên nghĩa vụ trả tiền: Ngày 21/02/2018, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều thụ lý vụ án kinh doanh thương mại theo yêu cầu khởi kiện của VAMC nên xác định VAMC là Nguyên đơn trong vụ án. Ngày 24/6/2019 VAMC và Ngân hàng TMCP VNTV ký hợp đồng mua bán nợ số 1502/2019/BN.VAMC1-VPBANK theo đó VAMC đồng ý bán và Ngân hàng TMCP VNTV đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay là ông bà B, K. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án thì Ngân hàng TMCP VNTV được kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ tố tụng và được xác định tư cách đương sự thay cho VAMC. Ngày 25/10/2019 Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều ban hành Thông báo số 01/2019/TB_TA về việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm lại buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VAMC mà người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ngân hàng TMCP VNTV là không rõ ràng, gây khó khăn cho thi hành án. Vì vậy chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát, sửa nội dung này tại bản án phúc thẩm.

3.2 Đối với kháng nghị về tuyên trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm: VAMC là người khởi kiện và nộp tạm ứng án phí, tại điểm b, khoản 2, Điều 1 của Hợp đồng mua bán nợ số 1502/2019/BN.VAMC1-VPBANK ngày 24/6/2019 giữa VAMC và Ngân hàng TMCP VNTV ghi rõ “Giá trị của (các) khoản nợ được mua bán bao gồm toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh cho đến ngày có hiệu lực của hợp đồng này.” Như vậy, các bên không thỏa thuận đối với khoản tiền tạm ứng án phí. Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên phải tuyên trả án phí cho VAMC mới đúng. Tuy nhiên bản án sơ thẩm lại tuyên trả cho VAMC mà người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ngân hàng TMCP VNTV là không rõ ràng, vì vậy chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát, sửa nội dung này tại bản án phúc thẩm.

[4] Về án phí: Kháng cáo của ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K không được chấp nhận tuy nhiên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên ông B, bà K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K; Chấp nhận kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 18/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 463, 466, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNTV (VPBank).

- Buộc ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K phải trả cho Ngân hàng TMCP VNTV (VPBank) tổng số tiền là 2.349.286.667 đ (hai tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 1.000.000.000đ (một tỷ đồng); Nợ lãi trong hạn là: 11.603.333đ (mười một triệu, sáu trăm linh ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng); Nợ lãi quá hạn là: 1.337.683.334 đ (một tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng).

- Kể từ ngày 06/5/2021 cho đến khi thi hành án xong ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: N13.2577.35HĐTD, ngày 01/7/2013 giữa ông B, bà K và Ngân hàng TMCP VNTV (VPBank).

- Trường hợp ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K không trả hoặc trả không đủ số tiền trên, Ngân hàng TMCP VNTV (VPBank) có quyền xử lý tài sản thế chấp theo qui định của pháp luật để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 72,4m² đất tại khu 2, thị trấn Đ.T, huyện Đ.T, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường Đ.T, thị xã Đ.T) và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 392/QSDĐ/TTĐT do Ủy ban nhân dân huyện Đ.T (nay là thị xã Đ.T) cấp ngày 20/10/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Cao T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N13.2581.114/HĐTC ngày 01/7/2013 giữa Ngân hàng TMCP VNTV, ông bà B, K và ông Nguyễn Cao T, bà Trần Thị N, chị Nguyễn Thu N.

[2] Về án phí:

- Ông Nguyễn An B và bà Trần Thị K phải chịu 78.985.733đ (bảy mươi tám triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trừ vào số tiền 2.000.000 (*Hai triệu đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm ông B đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000582 ngày 07/5/2021 và số 0000600 ngày 18/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ.T, tỉnh Quảng Ninh. Ông B và bà K còn phải nộp 76.985.733đ (bảy mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng) án phí.

- Trả lại cho Công ty TNHH MTV QLTS CTCTD (VAMC) số tiền tạm ứng án phí là 36.632.000đ (ba mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007455 ngày 12/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ.T, tỉnh Quảng Ninh.

- Ngân hàng TMCP VNTV (VPBank) chịu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp đủ số tiền trên.

- Ông Nguyễn An B phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), ông B đã nộp đủ số tiền trên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Đông Triều;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Giang

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Đông Triều;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương Giang

